TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SƠN LA** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số169/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2021
V/v: Ly hôn giữa chị Phương và anh Bình

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Pậu; ông Lù Văn Quý;

- Th- ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La;

- Đại diện VKSND thành phố Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Như Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2021, vụ án Xin ly hôn theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXX-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị P, sinh năm 1995;

Bị đơn: Anh Lò Văn B, sinh năm 1993;

Cùng trú tại bản Lả Mường, xã C, thành phố Sơn La, đều có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Sơn La, *(vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt).*

2. Ông Lò Văn Việt *(bố đẻ của anh Lò Văn B)*, trú tại bản Lả Mường, xã C, thành phố Sơn La, vắng mặt có lý do *(xin giải quyết vắng mặt).*

3. Bà Cầm Thị V, trú tại tổ 4, phường C, thành phố Sơn La, vắng mặt có lý do *(xin giải quyết vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn Xin ly hôn ngày 01/3/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hà Thị P trình bày:

Tôi kết hôn với anh Lò Văn B từ ngày 22/6/2012, có đăng kí kết hôn tại UBND xã Mường Chanh, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không ai bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian đầu, nhưng từ năm 2019 đến nay, phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Hiện nay vợ chồng tôi đã sống ly thân được 08 *(tám)* tháng, không ai quan tâm đến nhau nữa. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Tôi có nguyện vọng được ly hôn anh Lò Văn B.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung, cháu Lò Thị Bảo Yến sinh ngày 25/4/2013, cháu Lò Nhật Quang sinh ngày 19/10/2017. Nếu ly hôn, tôi xin được nuôi cháu Lò Thị Bảo Yến, anh Lò Văn B nuôi cháu Lò Nhật Quang, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận chia nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có 01 khoản nợ 20.000.000,đ *(hai mươi triệu đồng),* nợ Ngân hàng hính sách Xã hội tỉnh Sơn La *(vợ chồng tôi vay tại UBND xã Chiềng Xôm làm đại diện)*, nay chưa đến hạn trả tiền, chúng tôi sử dụng vào mục đích làm nhà vệ sinh và nước sạch nông thôn. Khi ly hôn, anh B sử dụng nhà cửa và công trình vệ sinh thì anh B có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, chúng tôi đã thỏa thuận là tôi *(P)* được sở hữu 01 chiếc ti vi nhà đang sử dụng, còn anh B được sử hữu 01 chiếc xe máy và toàn bộ công trình nhà cửa gắn liền nhà vệ sinh, 01 téc nước, chúng tôi thống nhất không yêu cầu Tòa án định giá và phân chia.

Tại bản tự khai cũng như tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, chị Hà Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên.

Tại bản tự khai cũng như tại phiên hòa giải, tại phiên tòa, anh Lò Văn B xác nhận:

Về tình cảm: Tôi nhất trí về lời khai của vợ tôi về thời gian và địa điểm kết hôn. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc và có một số mâu thuẫn cãi vã do không hợp tính nhau, nay chúng tôi sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Hà Thị P.

Về con chung: Tôi nhất trí thỏa thuận như chị Hà Thị P đã trình bày ở trên. Vợ tôi nuôi cháu Lò Thị Bảo Yến, tôi *(B)* nuôi cháu Lò Nhật Quang, đến khi các con trưởng thành, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự nguyện phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Tôi nhất trí chia cho vợ tôi 01 chiếc ti vi SONY nhà đang sử dụng, tôi được sử dụng 01 nhà xây cấp 4 trên đất của bố đẻ là ông Lò Văn Việt và 01 chiếc xe máy, nhất trí không yêu cầu Tòa án định giá và chia tài sản.

Về nợ chung: Tôi *(B)* nhất trí việc vợ chồng chúng tôi có 01 khoản nợ 20.000.000,đ *(hai mươi triệu đồng)* của Ngân hàng chính sách Xã hội tỉnh Sơn La như vợ tôi đã trình bày, tôi yêu cầu vợ tôi phải trả nợ cùng tôi 12.000.000,đ *(mười hai triệu đồng)* và tôi trả 8.000.000,đ *(tám triệu đồng)* và lãi phát sinh khi đến hạn thanh toán.

Cả hai đương sự chị P và anh B đều xác nhận có mượn đất của ông Lò Văn Việt để làm nhà, cùng xác nhận có nợ tiền xây nhà của bà Cầm Thị V số tiền còn lại là 40.000.000,đ *(bốn mươi triệu đồng)*. Ông Lò Văn Việt và bà Cầm Thị V đều có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử Nghị án là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật; Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị:

- Về tình cảm: Xử cho chị Hà Thị P được ly hôn anh Lò Văn B;

- Về phần con chung: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận giao cháu Lò Thị Bảo Yến cho chị Hà Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lò Nhật Quang cho anh Lò Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con;

- Về phần tài sản chung: Đề nghị công nhận việc thỏa thuận chị Hà Thị P được sở hữu 01 chiếc ti vi SONY, anh Lò Văn B được sử dụng 01 nhà xây cấp 4 gắn liền nhà vệ sinh + 01 téc nước, xây dựng trên đất của bố đẻ là ông Lò Văn Việt và 01 chiếc xe máy, chấp nhận các đương sự không yêu cầu Tòa án định giá và phân chia tài sản.

- Về phần nợ chung: Đề nghị anh Lò Văn B sở hữu nhà ở và công trình nước sạch nông thôn thì phải có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng chính sách Xã hội tỉnh Sơn La số tiền 20.000.000,đ *(hai mươi triệu đồng)* và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký.

- Chấp nhận việc ông Lò Văn Việt có ý kiến nhất trí để con trai ông là Lò Văn B tiếp tục sử dụng mảnh đất do ông cho mượn để làm nhà ở, không nhất trí Tòa án chia đất cho vợ chồng và xin giải quyết vắng mặt.

- Chấp nhận việc bà Cầm Thị Việt không đề nghị Tòa án phân chia số tiền nợ, do đã thỏa thuận với anh Lò Văn B trả dần cho bà số tiền 40.000.000,đ *(bốn mươi triệu đồng)* đến khi hết nợ, không yêu cầu chị P trả cùng và xin giải quyết vắng mặt.

Chị Hà Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc xem xét, thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhận định:

[1] Về Hôn nhân: Chị Hà Thị P và anh Lò Văn B kết hôn với nhau từ ngày 22/6/2012, có đăng kí kết hôn tại UBND xã Mường Chanh, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không ai bị ép buộc, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, nhưng từ năm 2019 đến nay, phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Mặc dù hai bên gia đình và tổ chính quyền đã hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không khắc phục được. Hiện nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân gần một năm, không ai quan tâm đến nhau nữa.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Hà Thị P và anh Lò Văn B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Tòa án cần xử cho chị Hà Thị P được ly hôn anh Lò Văn B là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Hai vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Lò Thị Bảo Yến, sinh 25/4/2013, cháu Lò Thị Bảo Yến đang ở với mẹ và cháu Lò Nhật Quang, sinh 19/10/2017 *(anh B đang nuôi dưỡng cháu Nhật Quang)*, cháu Lò Thị Bảo Yến có nguyện vọng xin được ở với mẹ là Hà Thị P. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, xét nguyện vọng của con đã đủ 07 tuổi, cần giao cháu Lò Thị Bảo Yến cho chị Hà Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, cần giao cháu Lò Nhật Quang cho anh Lò Văn B trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, không yêu cầu định giá và phân chia. Chị Hà Thị P xin được sở hữu 01 chiếc ti vi xét cần chấp nhận. Anh B xin được sở hữu 01 chiếc xe mô tô và 01 căn nhà xây cấp 4 + công trình phụ tại bản Lả Mường, xã C, xét cần chấp nhận.

[4] Về nợ chung: Qua xác minh, thể hiện: Ngày 15/02/2019, vợ chồng chị Hà Thị P và Lò Văn B có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Sơn La với số tiền gốc là 20.000.000,đ *(hai mươi triệu đồng)*. Thời hạn thanh toán là ngày 15/02/ 2024. Quá trình chung sống anh chị đã dùng số tiền này vào việc đầu tư công trình vệ sinh và nước sạch nông thôn là đúng mục đích. Hiện nay anh Lò Văn B đang trực tiếp quản lý và sử dụng. Xét đề nghị của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Sơn La: Ai là người sử dụng nhà đất và công trình nước sạch nông thôn thì người đó có trách nhiệm trả nợ, xét cần chấp nhận.

Ngoài ra, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh có yêu cầu Tòa án xin xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt người liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét: Ý kiến của ông Lò Văn Việt *(bố đẻ của anh B)* xác nhận: Ông có cho vợ chồng anh B và chị P mượn đất của ông để xây nhà cấp 4 làm nhà ở, nay vợ chồng chị P và anh B ly hôn, ông có ý kiến về phần đất đai là ông cho các con mượn, nhất trí việc anh Lò Văn B được quản lý và sử dụng nhà đất của vợ chồng đã xây dựng, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Ông Lò Văn Việt có ý kiến xin vắng mặt do vậy Tòa án xét xử vắng mặt người liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Lò Văn Việt có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Xét: Ý kiến của bà Cầm Thị V *(bác của anh B)* xác nhận: Bà có cho vợ chồng anh B và chị P vay tiền để xây nhà cấp 4 là 60.000.000,đ *(sáu mươi triệu đồng),* hai vợ chồng đã trả 20.000.000,đ *(hai mươi triệu đồng),* còn nợ lại 40.000.000,đ *(bốn mươi triệu đồng),* Nếu vợ chồng ly hôn, bà không đề nghị Tòa án phân chia số tiền nợ, do đã thỏa thuận với anh Bình trả dần 40.000.000,đ *(bốn mươi triệu đồng)* cho bà đến khi hết nợ, không cầu chị P trả nợ cùng và bà Cầm Thị V xin giải quyết vắng mặt, cần chấp nhận. Bà Cầm Thị V có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị P được ly hôn anh Lò Văn B.

2. Về phần con chung:

Giao cháu Lò Thị Bảo Yến sinh 25/4/2013 cho chị Hà Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Giao cháu Lò Nhật Quang sinh 19/10/2017 cho anh Lò Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về phần tài sản chung: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phương và anh Bình như sau: Chị Hà Thị P được sở hữu 01 chiếc ti vi nhãn hiệu SONY; Anh Lò Văn B được sở hữu 01 chiếc xe mô tô và 01 căn nhà xây cấp 4 gắn liền công trình vệ sinh + 01 téc nước tại bản Lả Mường, xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La. Anh Lò Văn B có nghĩa vụ giao lại 01 chiếc ti vi nhãn hiệu SONY cho chị Hà Thị P quản lý và sử dụng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về nợ chung: Buộc anh Lò Văn B có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng chính sách Xã hội tỉnh Sơn La số tiền 20.000.000,đ *(hai mươi triệu đồng)* và lãi phát sinh theo Sổ vay vốn *(thay Hợp đồng tín dụng)* mã số 7092321716, ngày giải ngân 26/02/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thanh toán nhưng phải phù hợp với quyết định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

- Chấp nhận ông Lò Văn Việt không yêu cầu Tòa án giải quyết việc ông cho anh Lò Văn B + chị Hà Thị P mượn đất của ông để xây nhà cấp 4. Khi ông Lò Văn Việt có yêu cầu, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

- Chấp nhận bà Cầm Thị V không đề nghị Tòa án phân chia số tiền nợ 40.000.000,đ *(bốn mươi triệu đồng)*, do bà đã thỏa thuận với anh Lò Văn B trả dần cho đến khi hết nợ, không yêu cầu chị Hà Thị P trả nợ cùng. Bà Cầm Thị V có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Về án phí: Chị Hà Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000,đ (*ba trăm nghìn đồng*) đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0001827 ngày 01 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Những người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Sơn La (2);
- Chi cục THADS TP Sơn La;
- UBND xã Mường Chanh, Mai Sơn *(để ghi vào sổ hộ tịch);*
- Các đương sự (2)
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Hương

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hương

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Sơn La (2);
- Chi cục THADS TP Sơn La;
- UBND xã Pi toong, Mường La *(để ghi vào sổ hộ tịch);*
- Các đương sự (2)
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Hương

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hương

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Sơn La (2);
- Chi cục THADS TP Sơn La;
- UBND xã Quài Tở, Tuần Giáo *(để ghi vào sổ hộ tịch);*
- Các đương sự (2)
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Hương

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Sơn La (2);
- Chi cục THADS TP Sơn La;
- UBND xã …….. *(để ghi vào sổ hộ tịch);*
- Các đương sự (2)
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Hương

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hương

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Sơn La (2);
- Chi cục THADS TP Sơn La;
- UBND xã Mường Bú *(để ghi vào sổ hộ tịch);*
- Các đương sự (2)
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Hương

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Sơn La (2);
- Chi cục THADS TP Sơn La;
- UBND phường Chiềng Cơi, TP Sơn La *(để ghi vào sổ hộ tịch);*
- Các đương sự (2)
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Hương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hương

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Sơn La (2);
- Chi cục THADS TP Sơn La;
- UBND phường Chiềng Cơi, TP Sơn La

(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (2)
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Hương

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hương

Nơi gửi:
THẨM
- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát TP;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND xã ……..
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ; án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Hương

.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa** **Hội thẩm nhân dân**

Lò Thị Dung ***Đặng Thị Hương*** ***Lù Văn Quý***

Nơi gửi:
- Viện kiểm sát (2 bản);
- Toà án tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ; án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

.

Đặng Thị Hương

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa** **Hội thẩm nhân dân**

Nơi gửi:
- Viện kiểm sát (2 bản);
- Toà án tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ; án văn.

.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Hương

.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa** **Hội thẩm nhân dân**

Nơi gửi:
- Viện kiểm sát (2 bản);
- Toà án tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ; án văn.

.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Hương

.